

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/LĐ-PT**

Ngày: 18/10/2019

V/v: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đoàn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2018/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 14/2018/LĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1247/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khối phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Đoàn Địa chất X.

Địa chỉ: số 02 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn T**, Chức vụ: Đoàn trưởng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Võ Anh Th** - Cán bộ Tổ chức - Hành chính, Đoàn Địa chất X (văn bản uỷ quyền ngày 16/10/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: 108 đường Tr, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Dương Thị Kim K**, Phó Trưởng phòng chế độ bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi N trình bày:

Ông công tác tại Đoàn Địa chất X từ tháng 4/1991 đến tháng 5/2010 với chức danh lái xe, đã phân công tác tại khu vực miền núi, nơi nguy hiểm, độc hại liên quan đến khoan tìm kiếm quặng phóng xạ. Trước năm 1985 ông làm công nhân đường sắt 501 thời gian ngắn.

Trong quá trình công tác từ năm 1991 đến năm 2010, ông trực tiếp làm phụ lái xe công trình tại vùng mỏ quặng phóng xạ địa chất, lái xe tải vận chuyển nhiên liệu phục vụ công trình mỏ quặng phóng xạ địa chất, nơi làm việc thuộc vùng núi cao, tổ cơ khí K, K1, vùng B. Từ năm 2000 đến năm 2010 công việc của ông là vận hành xe trạm karaota (xe chuyên dùng đo đạc phóng xạ địa chất mỏ và lỗ khoan ngành địa chất) lái xe chuyên dụng phục vụ công trình mỏ quặng phóng xạ địa chất, làm các phần việc liên quan đến phụ khoan tại vùng An Diêm, Đông Nam Bến Giằng, Nam Bến Giằng, Khe Cao, Khe Hoa.

Tuy nhiên, khi ghi sổ bảo hiểm và thực hiện các phần việc liên quan đến chi trả lương, đóng bảo hiểm cho người lao động, Đoàn Địa chất X chỉ ghi nội dung công việc của ông là lái xe cơ quan, hệ số lương hành chính, địa điểm làm việc là vùng đồng bằng thuộc thành phố T điều này khiến ông bị ảnh hưởng đến quyền lợi về bảo hiểm. Theo Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày 18/10/2017 ông đã nhận được số tiền phụ cấp khu vực 1 lần từ tháng 4/1991 đến tháng 2/1992 là 396.750 đồng. Từ thời điểm có quyết định hưởng lương hưu đến nay ông vẫn nhận số tiền lương hưu hàng tháng là 2.564.500 qua tài khoản ngân hàng.

Tại Quyết định số 248/QĐ-BHXXH ngày 16/02/2016 Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã chi trả mức hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp một lần không đảm bảo quyền lợi của ông. Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Đoàn Địa chất X cung cấp hồ sơ và thực hiện các phần việc liên quan để điều chỉnh trong sổ bảo hiểm của ông từ ngạch lái xe cơ quan sang ngạch lái xe tải;

- Buộc Đoàn Địa chất X cung cấp hồ sơ và thực hiện các phần việc liên quan để ông được hưởng phụ cấp khu vực;

- Buộc Đoàn Địa chất X thực hiện các phần việc liên quan đến lập thủ tục, đóng bảo hiểm theo quy định để đảm bảo cho ông được hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

- Hủy Quyết định số 248/QĐ-BHXXH ngày 16/02/2016 và Quyết định số

172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày 18/10/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam về việc hưởng chế độ hưu trí của ông.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện của bị đơn Đoàn Địa chất X trình bày:

Thời gian tham gia tính bảo hiểm cho ông Bùi N là 25 năm 2 tháng là phù hợp với thời gian đã ghi trong sổ bảo hiểm xã hội do đơn vị lưu trữ kể cả thời gian ông Bùi N làm việc tại Xí nghiệp Liên hiệp nông lâm công nghiệp TM.

Căn cứ vào Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 204/2004 ngày 14/12/2004 thì việc Đoàn Địa chất X xếp lương cho ông N với chức danh là công nhân lái xe, tương ứng mục xe con, xe tải, xe cẩu 3,5 tấn là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với công việc ông Bùi N thực hiện tại thực địa và trước đây ông N đã chấp nhận và không có ý kiến gì.

Từ tháng 4/1991 ông N được Đoàn Địa chất X tuyển dụng với mục đích Lái xe cho đơn vị, từ đó đến khi nghỉ chế độ, ông N đã tham gia rất nhiều dạng công việc khác nhau như: Lái xe Zin 131 phục vụ khoan, lái xe Zin tọc 130 chở dầu, phục vụ sản xuất nước khoáng, lái xe Gas 66 phục vụ karota và có lúc xin nghỉ tự túc, nghỉ không lương. Căn cứ quy định tại mục II trang 2 và mục IV trang 5 của Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc ban hành các ngành nghề nặng nhọc, độc hại đang có hiệu lực, đối chiếu với các công việc mà ông N đảm nhận tại Đoàn Địa chất X như đã nêu ở trên thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam không tính hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại của ông N là đúng với văn bản hướng dẫn nêu trên.

Mặc dù ông N làm nghề lái xe nhưng lương chính thức hưởng theo sản phẩm, lương đóng bảo hiểm xã hội theo cấp bậc. Công việc của ông N là công nhân lái xe cơ quan, khi được điều động thì được hưởng lương khoán do tổ công tác chi trả.

Đối với tiền trợ cấp khu vực: Ông N có thời gian làm việc từ tháng 03/1998 đến tháng 7/2003, trong đó có 30 tháng làm việc ở địa điểm có phụ cấp khu vực nhưng Đoàn Địa chất X và ông N chưa đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Đoàn Địa chất sẽ có trách nhiệm trả cho ông số tiền trợ cấp khu vực một lần là 2.484.000 đồng.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam trình bày:

Ông Bùi N có sổ sổ bảo hiểm xã hội 3496037731, thời gian công tác được hưởng bảo hiểm xã hội là 25 năm 2 tháng. Căn cứ hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hưu trí của ông Bùi N và quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngày 16/02/2016 Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam ra Quyết định số 248/QĐ-BHXXH về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông N. Sau đó

ông N có đơn khiếu nại đề nghị tính lại chế độ trợ cấp khu vực và điều kiện hưởng lương hưu theo công việc nặng nhọc, độc hại. Theo hồ sơ do Đoàn Địa chất X cung cấp và kết quả xác minh, căn cứ quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông N, theo đó ngày 18/10/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 172- ĐC/QĐ-BHXXH điều chỉnh lại chế độ hưu trí đối với ông N có nội dung: Bổ sung chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại thời gian từ tháng 4/1986 đến tháng 3/1991 và tính bổ sung trợ cấp khu vực một lần thời gian từ tháng 4/1991 - 02/1992 cho ông N được nhận 1 lần là 396.750 đồng. Như vậy, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã giải quyết chế độ hưu trí đối với ông N tại các quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Chức danh chuyên môn của ông N là lái xe cơ quan, ông N có thời gian vận hành xe trạm karaota, lái xe chuyên dụng phục vụ công trình mở quảng phóng xạ địa chất, lái xe Zin tọc dưới 7 tấn nên không được tính chế độ nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 32, 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng bộ trưởng, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số 204/2004 ngày 14/12/2004 của Chính phủ; Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 của Bộ Lao động thương binh và xã hội; các điều 4, 18-23 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; các điều 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”;

- Công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi N và Đoàn Địa chất X, Đoàn Địa chất X có trách nhiệm chi trả cho ông Bùi N số tiền tiền trợ cấp khu vực một lần là 2.484.000 đ. (*Hai triệu bốn trăm tám mươi tư ngàn đồng*);

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc buộc Đoàn Địa chất X cung cấp hồ sơ và thực hiện các phần việc liên quan để điều chỉnh trong sổ bảo hiểm của ông từ ngạch lái xe cơ quan sang ngạch lái xe tải;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc buộc Đoàn Địa chất X thực hiện các phần việc liên quan đến lập thủ tục, đóng bảo hiểm theo quy định để đảm bảo cho ông được hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc hủy Quyết định số 248/QĐ-BHXXH ngày 16/02/2016 và Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày

18/10/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam về việc điều chỉnh chế độ hưu trí cho ông Bùi N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn - ông Bùi N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của Đoàn Địa chất X cho rằng việc giải quyết chế độ cho ông Bùi N đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đúng với quá trình công tác của ông Bùi N theo hồ sơ mà đơn vị đang quản lý.

Đại diện theo uỷ quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam khẳng định việc giải quyết chế độ hưu trí của ông Bùi N đảm bảo đúng theo quy định hiện hành trên cơ sở hồ sơ về quá trình công tác của ông Bùi N, do đó các Quyết định số 248/QĐ-BHXXH ngày 16/02/2016 và Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày 18/10/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện cho các bên thương lượng, thoả thuận, yêu cầu cung cấp bổ sung chứng cứ để giải quyết thoả đáng cho người lao động nhưng không đạt kết quả. Do đó, về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi N về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 19/4/1991 Đoàn Địa chất X và ông Bùi N đã ký kết hợp đồng lao động, với thời hạn hợp đồng làm việc từ ngày 01/5/1991 đến ngày 20/01/1992 (BL66); Tại Quyết định số 60/QĐ-DD ngày 20/4/1991 của Đoàn Địa chất X (BL05), ông N làm việc với chức danh: Công nhân lái xe và nhiệm vụ được giao là Phụ lái xe công trình và lái xe tặc tại Tổ cơ khí lái xe Khe Cao. Sau ngày 20/01/1992, tuy giữa ông N và Đoàn Địa chất X không ký tiếp hợp đồng lao động nhưng ông N vẫn tiếp tục làm việc cho đến tháng 5/2010. Tại các quyết định xếp ngạch công chức, viên chức ngày 17/6/1994 (BL70), Quyết định nâng lương vào ngày 30/8/1994, 23/2/1996, 01/12/1997, 29/9/2000, 17/10/2002...(BL 71, 74, 75, 79, 81, 82, 83, 84, 85),

Quyết định trợ cấp thôi việc ngày 27/4/2010 và Quyết định trợ cấp một lần của Liên đoàn địa chất xạ hiếm ngày 21/6/2010 (BL 90,92) đều thể hiện ông N làm việc tại Đoàn Địa chất X, với chức danh: Lái xe cơ quan và sau khi nhận các quyết định này thì ông N không có ý kiến gì. Mặt khác, theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng bộ trưởng, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ thì Đoàn Địa chất X xếp lương cho ông N với chức danh là công nhân lái xe, tương ứng với nhóm xe con, xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn, xe khách dưới 20 ghế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu buộc Đoàn Địa chất X cung cấp hồ sơ và thực hiện để ông N được hưởng phụ cấp khu vực, thấy: Theo Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày 18/10/2017 (BL. 458), Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã giải quyết cho ông N được nhận số tiền phụ cấp khu vực một lần từ tháng 4/1991 đến tháng 2/1992, trong đó có một tháng tiền phụ cấp khu vực (tháng 4-1991) thời điểm ông N làm việc tại Xí nghiệp liên hiệp nông lâm công nghiệp TM và 10 tháng (từ tháng 5-1991 đến tháng 2-1992) ông N làm việc tại Đoàn Địa chất X, ông N đã nhận truy lĩnh số tiền trợ cấp khu vực một lần này. Còn thời gian ông N có 30 tháng làm việc ở địa điểm có phụ cấp khu vực (như ở xã Cà Dy huyện Nam Giang, xã Đại Hưng huyện Đại Lộc, xã TaBhing huyện Nam Giang) nhưng Đoàn Địa chất X và ông N chưa đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Về khoản này, tại phiên toà sơ thẩm, giữa ông N và Đoàn Địa chất X đã thoả thuận, ông N sẽ nhận số tiền trợ cấp khu vực một lần do Đoàn Địa chất X trực tiếp chi trả với số tiền là 2.484.000 đồng. Sự thoả thuận này phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Toà án cấp sơ thẩm công nhận là đúng pháp luật.

[4] Về nội dung ông Bùi N yêu cầu được hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi nghỉ hưu. Cấp phúc thẩm thấy: Ông N được tuyển vào làm việc tại Đoàn Địa chất X với chức danh là công nhân lái xe. Năm 2006, ông tham gia tổ khoan bước III Đề án “Đánh giá triển vọng felspat khu Tiên Hiệp, Trà Dương, tỉnh Quảng Nam”. Căn cứ Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội và tại mục II- Địa chất trong Danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (ban hành theo quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996) thì các công việc ông Bùi N đã làm từ giai đoạn tháng 3/1998 - 22/8/1998, từ năm 2000 đến 2004, năm 2006 có trong danh mục nghề nặng nhọc, độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành nên có cơ sở để coi đó là nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Tuy nhiên, việc xem xét để được hưởng chế độ nặng nhọc khi xem xét hưởng chế độ hưu trí phải đảm bảo thời gian là 15 năm. Đối với ông Bùi N thời

gian làm việc được xem là nặng nhọc không đủ 15 năm. Do vậy, ông Bùi N không được tính hưởng chế độ độc hại là đúng quy định.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Toà án huỷ Quyết định số 248/QĐ-BHXX ngày 16/2/2016 và Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXX ngày 18/10/2017 của Giám đốc BHXH tỉnh Quảng Nam, thấy: Sau khi ban hành Quyết định 248/QĐ-BHXX giải quyết chế độ hưu trí cho ông N, ngày 18/10/2017 Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 172-ĐC/BHXX về việc điều chỉnh chế độ hưu trí cho ông N, theo đó đã bổ sung chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại thời gian từ tháng 4/1986 đến tháng 3/1991 (thời gian công tác tại Xí nghiệp liên hiệp công nông nghiệp TM) và tính bổ sung trợ cấp khu vực một lần từ tháng 4/1991 đến tháng 2/1992 cho ông N được nhận một lần là 396.750 đồng. Với các nội dung đã phân tích trên, thì yêu cầu của ông N về huỷ các quyết định của Giám đốc BHXH tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở, do đó Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà.

Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông N là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH K14. Do đó, ông N được miễn án phí phúc thẩm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 32, 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 4, 18, 23 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng bộ trưởng, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số 204/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ; Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH k14 về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt”;

- Công nhận sự thoả thuận của ông Bùi N và Đoàn Địa chất X, Đoàn Địa chất X có trách nhiệm chi trả cho ông Bùi N số tiền trợ cấp khu vực một lần là 2.484.000 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi tư ngàn đồng).

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc buộc Đoàn Địa chất X

cung cấp hồ sơ và thực hiện các phần việc liên quan để điều chỉnh trong sổ bảo hiểm của ông từ ngạch lái xe cơ quan sang ngạch lái xe tải.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc buộc Đoàn Địa chất X thực hiện các phần việc liên quan đến lập thủ tục, đóng bảo hiểm theo quy định để đảm bảo cho ông được hưởng chế độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi N về việc huỷ Quyết định số 248/QĐ-BHXXH ngày 16/2/2016 và Quyết định số 172-ĐC/QĐ-BHXXH ngày 18/10/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam về việc điều chỉnh chế độ hưu trí cho ông Bùi N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí phúc thẩm dân sự: Ông Bùi N được miễn án phí phúc thẩm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường